

**NGHIÊN CỨU ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH DẠY HỌC
THEO ĐỊNH HƯỚNG TÌM TÒI - KHÁM PHÁ TRONG DẠY HỌC
CHỦ ĐỀ “CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ” (MÔN KHOA HỌC 5)
NHẪM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN CHO HỌC SINH**
A STUDY ON DEVELOPING AN INQUIRY-BASED TEACHING PROCESS FOR THE TOPIC “HUMAN BEINGS AND
HEALTH” IN GRADE 5 SCIENCE TO FOSTER STUDENTS’ SCIENTIFIC COMPETENCE

**Nguyễn Minh Giang^{1,+},
Trần Khánh Vân²**

¹Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh;

²Sinh viên khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

+Tác giả liên hệ • Email: giangnm@hcmue.edu.vn

Article history

Received: 06/3/2026

Accepted: 13/4/2026

Published: 20/7/2026

Keywords

Teaching, Science subject, humans and health, inquiry - discovery, scientific competence, grade 5

ABSTRACT

Inquiry-based learning, rooted in behavioral theory and constructivist teaching, emphasizes the active role of learners in constructing knowledge through experience, questioning, and exploring their surroundings. Based on this, the study applies the 6-step teaching process of the inquiry-based learning approach in primary school to develop a lesson plan on the topic of “Humans and Health” in the 5th grade Science subject and conducts an experiment to evaluate its feasibility and effectiveness. Data from survey questionnaires and pre- and post-experiment evaluation forms were collected and processed using SPSS for analysis, comparison, and evaluation of the results. Experimental results show that students develop all three components of scientific competence, especially the component of applying learned knowledge and skills, meeting the learning objectives of the subject. This result provides a basis for further research and application of this approach in Science topics using the 6-step teaching process and other subjects to improve the quality of education.

1. Mở đầu

Theo Nghị quyết số 29-NQ/TW (Ban Chấp hành Trung ương, 2013) và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (Bộ GD-ĐT, 2018a), GV cần đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá để đáp ứng được mục tiêu dạy học theo định hướng phát triển năng lực, phẩm chất của người học. Dạy học theo định hướng tìm tòi - khám phá (TT-KP) có nền tảng từ lý thuyết hành vi và dạy học kiến tạo, nhấn mạnh vào vai trò chủ động của người học trong việc xây dựng tri thức thông qua trải nghiệm, đặt câu hỏi và khám phá môi trường xung quanh (Nguyễn Minh Giang và Phạm Phương Anh, 2025). Định hướng này có thể triển khai linh hoạt trong nhiều điều kiện cơ sở vật chất khác nhau, giúp GV tăng cường áp dụng vào các môn học và khuyến khích HS tự tìm ra kiến thức mới thông qua các hoạt động tích cực, dưới sự định hướng của GV. Do đó, việc vận dụng dạy học theo định hướng TT-KP phù hợp với định hướng đổi mới phương pháp dạy học phát triển phẩm chất, năng lực chung và năng lực đặc thù cho HS trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Lý luận dạy học theo định hướng TT-KP ra đời và hình thành nhờ những đóng góp to lớn của các nhà giáo dục học, nhà tâm lý như: John Dewey (1859-1952), Jean Piaget (1896-1980), Lev Vygotsky (1896-1934) và Jerome Bruner (1915-2016), ... Những năm 90 của thế kỷ XX, dạy học theo định hướng TT-KP đã được triển khai rộng rãi ở nhiều quốc gia có nền giáo dục tiên tiến, chẳng hạn như Mỹ, Úc, Singapore, Newzealand,... để dạy học các nội dung thuộc lĩnh vực Khoa học (Nguyễn Minh Giang và Phạm Phương Anh, 2025). Trong dạy học tiểu học, phương pháp dạy học theo định hướng TT-KP được vận dụng và dạy ở một số môn học như Tự nhiên và Xã hội (Nguyễn Minh Giang và Nguyễn Khánh Vy, 2021), Tiếng Việt (Đặng Thị Lệ Tâm, 2020)... nhằm phát triển tư duy độc lập, giúp HS được trải nghiệm và vận dụng kiến thức vào thực tiễn, rèn luyện kỹ năng giải quyết vấn đề và tạo hứng thú học tập cho HS.

Môn Khoa học ở tiểu học là môn học bắt buộc, được xây dựng trên nền tảng cơ bản của khoa học tự nhiên và các lĩnh vực nghiên cứu về giáo dục sức khỏe, giáo dục môi trường. Mục tiêu của môn học là giúp HS phát triển năng lực khoa học đặc thù, đồng thời góp phần phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung. Môn học coi trọng việc tổ chức cho HS trải nghiệm thực tế, tạo cho HS cơ hội chủ động TT-KP thế giới tự nhiên, cơ thể người và môi

trường sống, vận dụng những kiến thức đã học vào trong đời sống, phát triển kỹ năng thực hành và tư duy khám phá (Bộ GD-ĐT, 2018b). Để việc dạy học môn Khoa học hiệu quả đòi hỏi GV đổi mới các phương pháp dạy học và khuyến khích HS chủ động tự tìm ra kiến thức mới thông qua các hoạt động dưới sự định hướng của GV. Một trong các định hướng dạy học phù hợp với đổi mới phương pháp dạy học trong môn Khoa học đó là dạy học TT-KP.

Chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 bao gồm các mạch nội dung về đặc điểm cơ quan sinh dục, đặc điểm phát triển của cơ thể, chăm sóc sức khỏe và bảo vệ bản thân ở giai đoạn dậy thì (Bộ GD-ĐT, 2018b). Đây cũng chính là chủ đề tích hợp giáo dục giới tính, trang bị cho HS tri thức và kỹ năng để bảo vệ bản thân, tránh được những hậu quả đáng tiếc liên quan đến lạm dụng và xâm hại tình dục (Phạm Việt Quỳnh và Phan Thị Hồng The, 2024). Trong thực tế, khi dạy học chủ đề Con người và sức khỏe, GV có xu hướng lựa chọn phương pháp dạy học truyền thống nhằm đảm bảo tính an toàn, kiểm soát nội dung kiến thức và định hướng thông tin chính xác cho HS. Khá nhiều GV và HS không cảm thấy thoải mái khi tham gia các hoạt động, tâm lý e dè, ngại chia sẻ các vấn đề liên quan đến cấu tạo, hoạt động của cơ quan sinh dục, vệ sinh cơ thể tuổi dậy thì (Nguyễn Minh Giang và cộng sự, 2025). Do đó, vận dụng dạy học theo định hướng TT-KP trong dạy học chủ đề này giúp GV có thể tổ chức hoạt động cho HS chủ động quan sát, đặt câu hỏi và tự tìm hiểu các vấn đề liên quan đến đặc điểm cơ quan sinh dục, sức khỏe và an toàn cá nhân. HS được tham gia các hoạt động thực hành, thảo luận và xử lý tình huống thực tế, nhận diện nguy cơ và đưa ra giải pháp phù hợp trong các tình huống thực tế như chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì hay phòng tránh xâm hại. Cho đến nay, vẫn chưa có nghiên cứu nào tổ chức dạy học theo định hướng TT-KP để xây dựng các hoạt động học tập của HS dạy học chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 nhằm phát triển năng lực khoa học cho HS. Vì vậy, nghiên cứu này tập trung xây dựng kế hoạch bài dạy vận dụng định hướng TT-KP trong dạy học chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 nhằm cung cấp tư liệu dạy học hỗ trợ GV triển khai dạy học một cách hiệu quả trong thực tế.

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu lý thuyết

Đọc và thu thập thông tin, phân tích, tổng hợp các tài liệu, sách, bài báo khoa học, nghiên cứu khoa học trong nước và ngoài nước có liên quan đến phương pháp dạy học theo định hướng TT-KP, đặc điểm tâm - sinh lý HS tiểu học, môn Khoa học ở tiểu học, mối quan hệ giữa TT-KP và chủ đề Con người và sức khỏe, trong môn Khoa học lớp 5. Tổng hợp và khái quát hóa các tài liệu để xây dựng một cơ sở lý luận vững chắc về vấn đề nghiên cứu.

2.2. Phương pháp thực nghiệm sư phạm

Phương pháp thực nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu để đánh giá tính hiệu quả và khả thi của kế hoạch bài dạy Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì thuộc chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học 5. Thực nghiệm được tiến hành tại lớp Năm 6 (số: 23 HS), lớp đối chứng là lớp Năm 7 (số: 23 HS) tại Trường Tiểu học Đình Tiên Hoàng, phường Tân Định, TP. Hồ Chí Minh, các lớp được lựa chọn từ các lớp học hiện có của nhà trường. Lớp Năm 6 được chọn làm lớp thực nghiệm do có đặc điểm học tập phù hợp và đã quen với các phương pháp dạy học tích cực. Thời gian thực nghiệm trong tháng 12/2025.

Quy trình thực nghiệm gồm 4 bước sau: (1) Xác định mức độ tương đồng của HS lớp thực nghiệm và đối chứng qua bài đánh giá trước thực nghiệm gồm các câu hỏi kiểm tra kiến thức bài “Năng lượng mặt trời, gió và nước chảy” có đủ 3 thành phần năng lực khoa học (<https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1gzlb9qDPyqqZQVXNmM0GzPcsQ1dZ3Lf>); (2) Tiến hành dạy học thực nghiệm kế hoạch bài dạy theo định hướng TT-KP đã xây dựng trên lớp thực nghiệm và sử dụng kế hoạch bài dạy thông thường trên lớp đối chứng; (3) Đánh giá kết quả dạy học sau thực nghiệm bằng bài kiểm tra chung cho hai lớp, trong đó hệ thống câu hỏi được thiết kế bao quát đủ ba thành phần năng lực khoa học nhằm đánh giá kiến thức của HS sau khi học bài Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (https://drive.google.com/drive/u/0/folders/1WtuMTdawqFiwa_0tdh_g1LNECOmiGqjt); (4) Thu thập, phân tích và đánh giá kết quả hai lớp bằng công cụ Independent-Samples T-Test. Từ đó rút ra kết luận dựa trên các thông số đã phân tích. Nếu $.sig < 5\%$ thì có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa lớp thực nghiệm và đối chứng, qua đó khẳng định hiệu quả của kế hoạch bài dạy Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì theo định hướng TT-KP. Đồng thời, sử dụng phần mềm SPSS để tính điểm trung bình (Mean), điểm trung vị (Median), điểm yếu vị (mode) để phân tích kết quả trước và sau thực nghiệm nhằm đánh giá hiệu quả của nghiên cứu.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Một số khái niệm

Năng lực tìm tòi - khám phá. Năng lực TT-KP được tiếp cận từ phương diện hoạt động học tập cụ thể khi nhấn mạnh rằng: “Năng lực TT-KP là hoạt động chủ động, tích cực của người học; dựa trên các kiến thức đã biết, người

học tự đặt ra các câu hỏi, thu thập, điều tra, phân tích dữ liệu nhằm tìm ra kiến thức mới” (Phạm Thị Phương Mai, 2018). Tiếp cận này nhấn mạnh vai trò của HS như những nhà khoa học, đòi hỏi phải tích cực trong việc tham gia các hoạt động, chủ động khám phá tri thức mới bằng nhiều cách thức khác nhau và rút ra được những bài học ý nghĩa cho bản thân, thúc đẩy sự phát triển tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và khả năng sáng tạo.

Dạy học theo định hướng TT-KP. Dạy học theo định hướng TT-KP là quá trình sử dụng các phương pháp và kỹ thuật dạy học, trong đó GV tổ chức cho HS hoạt động để tìm ra kiến thức mới thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập định hướng hoặc các thực nghiệm kiểm chứng (Nguyễn Minh Giang và Phạm Phương Anh, 2025). Đây là định hướng chuyển đổi vai trò từ truyền thụ kiến thức sang tổ chức hoạt động học tập, trong đó GV sử dụng các phương pháp và kỹ thuật để tạo môi trường học tập có vấn đề nhằm kích thích HS khám phá tri thức thông qua trải nghiệm và tương tác. Kiến thức mới không được công nhận một cách áp đặt mà phải được hình thành qua quá trình quan sát, thử nghiệm và suy luận logic của chính người học.

Năng lực khoa học. Năng lực khoa học là khả năng huy động tổng hợp và sử dụng các kiến thức khoa học để xác định câu hỏi và rút ra các kết luận dựa trên bằng chứng; từ đó, hiểu và giúp đưa ra quyết định về thế giới tự nhiên và những thay đổi được thực hiện thông qua hoạt động của con người (Lê Thái Hưng và Nguyễn Thị Phương Vy, 2020). Thành phần của năng lực khoa học bao gồm: năng lực nhận thức khoa học tự nhiên; năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh; năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học (Bộ GD-ĐT, 2018a). Năng lực khoa học không chỉ dừng ở việc nắm kiến thức mà nhấn mạnh khả năng vận dụng phương pháp khoa học để giải quyết vấn đề thực tiễn, bao gồm quan sát, thực nghiệm phân tích dữ liệu và lập luận dựa trên bằng chứng. Với định nghĩa này, năng lực TT-KP và năng lực khoa học có mối quan hệ chặt chẽ và mang tính bổ trợ. Năng lực TT-KP giúp HS thực hành các thao tác khoa học cơ bản như đặt câu hỏi, giả thuyết, thu thập và phân tích dữ liệu để hình thành và phát triển các thành phần năng lực khoa học. Do đó, tổ chức dạy học theo định hướng TT-KP chính là con đường hiệu quả để phát triển năng lực khoa học cho HS.

3.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài dạy chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 theo định hướng tìm tòi - khám phá

Dạy học theo định hướng TT-KP không phải là một chuỗi các hoạt động được tiến hành theo quy trình cứng nhắc, mà có thể được điều chỉnh và vận dụng linh hoạt về trình tự và mức độ nhiệm vụ phù hợp với nhận thức và năng lực học tập của HS. Việc lựa chọn quy trình dạy học cần dựa trên cơ sở khoa học, cấu trúc logic phù hợp với bản chất của dạy học theo định hướng TT-KP và đặc điểm tâm - sinh lý của HS tiểu học, đồng thời bảo đảm mục tiêu phát triển phẩm chất và năng lực HS.

Trước những năm 80 của thế kỷ XX, quy trình học tập TT-KP thường có 5 bước gồm: đưa tình huống; HS tiếp nhận - tìm hiểu; thu thập thông tin; hình thành giả thuyết và thực nghiệm; giải thích; đánh giá (Lê Thị Hồng Chi, 2014). Hiện nay, học tập TT-KP có thể thực hiện theo mô hình 5E (Engage - Explore - Explain - Elaborate - Evaluation); mô hình giải quyết vấn đề; mô hình 6 bước gồm: lập kế hoạch; thu thập thông tin; xử lý thông tin; sáng tạo; chia sẻ và đánh giá (Alberta Learning, 2004). Tại Việt Nam, khám phá quy nạp có cấu trúc vòng tròn và gồm 6 bước (xác định phạm vi, thu thập thông tin, xây dựng ý tưởng, hình thành và thử nghiệm giả thuyết, vận dụng); khám phá diễn dịch gồm 5 bước (xác định mục tiêu, lập kế hoạch, phân tích kết quả, vận dụng và đánh giá) (Phó Đức Hoà, 2011); quy trình dạy học TT-KP với sự hỗ trợ của thông tin gồm 6 bước (Bước 1: Chuẩn bị; Bước 2: Định hướng tìm tòi với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Bước 3: Quan sát và hướng dẫn HS tìm tòi, phát hiện với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Bước 4: Hướng dẫn HS so sánh, nhận xét, kết luận bản chất của tri thức với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Bước 5: Tổ chức cho HS thực hành, vận dụng với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin; Bước 6: Đánh giá hoạt động tìm tòi với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin) (Lê Thị Hồng Chi, 2014).

Nghiên cứu đã sử dụng quy trình 6 bước do Nguyễn Minh Giang và Phạm Phương Anh (2025) đề xuất để thiết kế kế hoạch bài dạy “Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì”, chủ đề Con người và sức khỏe gồm: Bước 1: Chuẩn bị - khai thác kinh nghiệm HS; Bước 2: Xây dựng tình huống xuất phát - khơi gợi sự tò mò của HS; Bước 3: Tiến hành TT-KP; Bước 4: Kết luận - rút ra kiến thức mới; Bước 5: Thực hành - vận dụng; Bước 6: Nhận xét, đánh giá. Theo quy trình 6 bước kết hợp với hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy theo công văn 2345 (Bộ GD-ĐT, 2021), nghiên cứu thiết kế các hoạt động dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực cho HS gồm 4 hoạt động là: khởi động, khám phá, luyện tập-thực hành, vận dụng nhằm phát triển 3 thành phần năng lực khoa học. Trong kế hoạch bài dạy theo định hướng TT-KP, quy trình được cụ thể hóa thành 6 bước tổ chức dạy học. Trong đó, bước 1 và 2 tương ứng với hoạt động khai thác kinh nghiệm, kiến thức đã có của HS, tập trung phát triển năng lực nhận thức khoa học tự nhiên; bước 3 và 4 gắn với hoạt động tìm hiểu, góp phần hình thành năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung

quanh; bước 5 tập trung phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn. Bước 6 tổ chức cho HS chủ yếu tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng để HS nhận diện mức độ đạt được về kiến thức, kỹ năng. Quy trình dạy học này vừa đảm bảo yêu cầu chương trình, vừa tăng cường vai trò chủ thể và tính tự chủ của HS trong dạy học.

Trên cơ sở kế thừa các quy trình dạy học theo định hướng TT-KP, nghiên cứu đề xuất quy trình gồm 6 bước: (1) Khai thác kinh nghiệm - xây dựng tình huống xuất phát; (2) Tiến hành TT-KP; (3) Xử lý thông tin - sáng tạo; (4) Kết luận - rút ra kiến thức mới; (5) Vận dụng; (6) Đánh giá. Trong đó, bước “Tiến hành TT-KP” giữ vai trò trung tâm trong quá trình hình thành tri thức; bước “Xử lý thông tin - sáng tạo” góp phần làm sâu sắc và đa dạng hóa sự biểu đạt tri thức. Quy trình đảm bảo tính logic của tiến trình nhận thức khoa học và được kỳ vọng phát triển các năng lực nhận thức khoa học, tìm hiểu tự nhiên và vận dụng kiến thức, đồng thời tăng cường tính chủ động và sáng tạo của HS.

3.3. Thiết kế kế hoạch bài dạy minh họa chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 theo định hướng tìm tòi - khám phá

Trong nghiên cứu này, kế hoạch bài dạy được triển khai trong 02 tiết, đảm bảo mục tiêu của 03 thành phần năng lực khoa học được hình thành và phát triển trong môn Khoa học. Trong đó, các phương pháp dạy học tích cực và hình thức dạy học theo nhóm được ưu tiên sử dụng để tổ chức hoạt động học của HS. Kế hoạch dạy học chi tiết được mô tả gắn với các bước trong quy trình dạy học TT-KP như sau:

KẾ HOẠCH BÀI DẠY THEO ĐỊNH HƯỚNG TT-KP

Chủ đề: Con người và sức khỏe (lớp 5)

Tên bài học: Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (02 tiết)

1. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu, thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.
- Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.
- Thực hiện được các kỹ năng vệ sinh cơ thể, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài.

2. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Hoạt động	GV	HS
Khởi động	- Tiết 1: phiếu KWLH - Tiết 2: video	SGK, bút mực, bút màu,...
Khám phá	- Tiết 1: nội dung các trạm và phiếu học tập số 1: Trạm 1: Infographic; Trạm 2: Hình ảnh; Trạm 3: Video. - Tiết 2: video, phiếu học tập số 2, số 3	
Luyện tập - vận dụng	- Tiết 2: giấy A4, phiếu kiểm tra kiến thức, phiếu theo dõi.	

3. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1



Trạm 1: Dấu hiệu đến tuổi dậy thì ở nam và nữ (Infographic).



Trạm 2: Những việc nên làm/ không nên làm để chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì (Bộ hình ảnh).

Hình 1. Nội dung cụ thể của mỗi trạm 3 (nguồn: tác giả)

Trạm 3: Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì (Video).

Link:

<https://www.youtube.com/watch?v=7kRtbCA6xt0&t=3s>

Hoạt động 1. Khởi động (5 phút): với mục tiêu khai thác được kiến thức ban đầu của HS và kết nối với nội dung bài học và gắn với bước 1 trong dạy học theo định hướng TT-KP. HS chia sẻ hiểu biết ban đầu và nêu thắc mắc về những việc cần làm để chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì thông qua phiếu KWL.

Hoạt động 2. Cơ thể lên tiếng (30 phút) với mục tiêu nêu được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì gắn với bước đến bước 6 của dạy học TT-KP như sau:

Bước 2: Xây dựng tình huống xuất phát - khơi gợi sự tò mò của HS. GV giới thiệu tình huống: Bước vào tuổi dậy thì, bạn Nam và bạn Lan thấy cơ thể thay đổi: ra nhiều mồ hôi, da nhờn, nổi mụn và có mùi khó chịu hơn trước dù vẫn tắm mỗi ngày. Cả hai bạn thắc mắc không hiểu vì sao cơ thể lại như vậy và phải làm như thế nào để giữ cơ thể luôn sạch sẽ, thoải mái. Nếu là bạn của Nam và Lan, em sẽ cho 2 bạn lời khuyên gì?

Bước 3: Tiến hành TT-KP. HS làm việc theo nhóm 4 và học tập theo các trạm (gồm 3 trạm). Mỗi trạm có nội dung cụ thể (hình 1).

Bước 4: Kết luận - rút ra kiến thức mới. HS trình bày, nhận xét và kết luận dưới sự định hướng của GV.

Bước 5: Thực hành - vận dụng. HS vận dụng kiến thức để giải đáp thắc mắc ở cột L, đồng thời sắm vai xử lý tình huống và đưa ra lời khuyên phù hợp cho Nam và Lan.

Bước 6: Nhận xét, đánh giá (tự đánh giá). HS tự đánh giá xem mình thích hoạt động nào nhất? Vì sao?

TIẾT 2

Hoạt động 3. Khoẻ mỗi ngày (35 phút) với mục tiêu thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì. Hoạt động này gắn với các bước từ 1 đến 6 của dạy học TT-KP như sau:

Bước 1: Chuẩn bị - khai thác kinh nghiệm HS. HS quan sát video do GV chiếu: <https://www.youtube.com/watch?v=7kRtbCA6xt0&t=3s>

Bước 2: Xây dựng tình huống xuất phát - khơi gợi sự tò mò của HS. GV giới thiệu tình huống: Gần đây, bạn Hồng thấy vùng da ở cơ quan sinh dục ngoài bị ngứa và hơi có mùi lạ. Hồng nghĩ do thời tiết nóng nên chỉ rửa qua bằng xà phòng tắm thơm. Một thời gian sau, cảm giác ngứa vẫn không hết mà còn nặng hơn. Theo em, vì sao tình trạng của Hồng không giảm mà còn nặng hơn? Nếu là bạn Hồng, em sẽ khuyên Hồng nên làm gì để giữ cơ quan sinh dục ngoài luôn sạch sẽ, khỏe mạnh?

Bước 3: Tiến hành TT-KP. HS chia thành dãy nam và dãy nữ, mỗi nhóm 5 bạn. HS nhận phiếu học tập số 2 (cho HS nam) và phiếu học tập số 3 (cho HS nữ), tài liệu học để tìm hiểu nội dung và hoàn thành phiếu học tập.

+ Video câu chuyện “Khi con trai bắt đầu lớn” của HS nam:

https://drive.google.com/drive/folders/1zUn9h_YLun9AP7sGZMi7u_LLUB4D3Ku2?usp=sharing

+ Video câu chuyện “Ngày đặc biệt của mình” của HS nữ:

<https://drive.google.com/drive/folders/14PpXLNxxgNK7LKt7HymDL7iJAzQI3UnbZ?usp=sharing>

Bước 4: Kết luận - rút ra kiến thức mới. HS trình bày, nhận xét và kết luận dưới sự định hướng của GV. GV tổng hợp và hệ thống thành các kỹ năng chăm sóc sức khỏe ở tuổi dậy thì (*Kỹ năng giữ vệ sinh cá nhân, Kỹ năng vệ sinh cơ quan sinh dục ngoài, Kỹ năng giặt và thay đồ lót, Kỹ năng chăm sóc sức khỏe trong thời kì kinh nguyệt, Kỹ năng ứng xử khi có hiện tượng mộng tinh*).

Bước 5: Thực hành - vận dụng. HS vận dụng kiến thức để đưa ra lời khuyên cho bạn Hồng, HS xây dựng “Bộ quy tắc 5 điều nên làm ở tuổi dậy thì” và chia sẻ trước lớp.

Bước 6: Nhận xét, đánh giá (tự đánh giá). HS làm phiếu kiểm tra kiến thức (phiếu sau thực nghiệm) và HS nhận phiếu theo dõi việc thực hiện giữ vệ sinh cơ thể trong 1 tuần.

3.4. Thực nghiệm sư phạm

Nghiên cứu sử dụng kế hoạch bài dạy “Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì” trên để tiến hành thực nghiệm. Kết quả thực nghiệm như sau:

- **Kết quả kiểm tra trước khi dạy học thực nghiệm.** Trước khi tiến hành dạy thực nghiệm, nghiên cứu cho HS lớp thực nghiệm và đối chứng cùng thực hiện bài kiểm tra gồm 4 câu hỏi đánh giá các yêu cầu cần đạt về các thành phần năng lực khoa học của HS. Trong đó, câu 1 và câu 2 đánh giá năng lực nhận thức khoa học; đánh giá năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh (câu 3) và đánh giá năng lực vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn (câu 4). Kết quả được xử lý bằng kiểm chứng T-Test và trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Kết quả kiểm tra trước và sau thực nghiệm

Giá trị	Kết quả kiểm tra trước thực nghiệm		Kết quả kiểm tra sau thực nghiệm	
	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng

Mean	8,2614	8,1818	7,6413	5,9457
Median	8,25	8,3750	8,25	6,25
Mode	8	8,5	8,25	6,5
.sig T-test	0,61		0,001	

Kết quả trong bảng 1 cho thấy, qua kiểm định T-Test, không có sự khác biệt giữa lớp thực nghiệm và đối chứng trước khi tiến hành thực nghiệm ($.sig = 0.61 > 0.05$). Nhìn chung, kết quả kiểm tra trước thực nghiệm cho thấy năng lực khoa học của HS ở lớp thực nghiệm và lớp đối chứng là tương đương, thể hiện qua sự tương đồng về điểm trung bình, điểm trung vị và điểm yếu vị. Vì vậy, sau khi thực nghiệm, chỉ cần kiểm tra có hay không có sự khác biệt có ý nghĩa giữa 2 lớp đối chứng và thực nghiệm để rút ra kết luận.

- *Kết quả kiểm tra sau khi thực nghiệm.* Sau khi tiến hành dạy thực nghiệm kế hoạch bài dạy Chăm sóc sức khỏe tuổi dậy thì, nghiên cứu cho HS hai lớp cùng thực hiện bài kiểm tra gồm 4 câu hỏi đánh giá các thành phần năng lực trong môn Khoa học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018: Câu 1 yêu cầu HS xác định và phân loại các dấu hiệu của tuổi dậy thì thông qua việc sắp xếp các từ khóa cho trước vào ba nhóm: nam, nữ, cả nam và nữ, qua đó kiểm tra khả năng nhận biết và phân biệt các thay đổi của cơ thể trong giai đoạn dậy thì. Câu 2 yêu cầu HS đọc hiểu nội dung đoạn văn và điền đúng các từ khóa còn thiếu để hoàn chỉnh thông tin, giúp HS giải thích được nguyên nhân dẫn đến mùi cơ thể và làm rõ sự cần thiết phải giữ gìn vệ sinh cơ thể, đặc biệt trong tuổi dậy thì. Câu 3 yêu cầu HS dựa trên các nội dung đã học để nêu một số việc làm trong thực tế sinh hoạt hằng ngày của bản thân nhằm chăm sóc cơ thể và giữ vệ sinh, đặc biệt là vệ sinh cơ quan sinh dục. Từ những hiểu biết và kỹ năng đã hình thành, câu 4 giúp HS vận dụng kiến thức vào giải quyết tình huống thực tiễn thông qua việc lựa chọn, giải thích và đề xuất cách chọn và sử dụng quần lót phù hợp nhằm bảo vệ sức khỏe tuổi dậy thì. Kết quả được xử lý bằng kiểm chứng T-Test và trình bày ở bảng 1.

Kết quả trong bảng 1 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa giữa nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau khi tiến hành thực nghiệm ($.sig=0,001<0,05$). Điểm số của HS lớp thực nghiệm cao hơn so với HS lớp đối chứng là 1.5. Đồng thời, HS lớp thực nghiệm đạt mức độ cao hơn ở các thành phần năng lực nhận thức, tìm hiểu và vận dụng khoa học (bảng 3).

Bảng 3. Kết quả kiểm tra chi tiết sau thực nghiệm

Giá trị	Câu 1		Câu 2		Câu 3		Câu 4	
	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng	Lớp thực nghiệm	Lớp đối chứng
Mean	2,2174	2	1,848	1,522	1,3804	1,0761	2,1957	1,3587
Median	2,25	2	1,5	1,5	1,5	1	2,25	1,5
Mode	2,25	2	2,5	1	1,5	0,5	3	0,5
.sig T-test	0,002		0,12		0,79		0,001	

Kết quả trong bảng 3 chỉ ra khi HS được khám phá kiến thức theo con đường tự tìm kiếm và xử lý thông tin từ tài liệu, sách, báo, video; chủ động đặt câu hỏi; thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ; sau đó tự rút ra kết luận trên cơ sở kiến thức thu thập được dưới sự định hướng của GV; giúp HS xác định chính xác các dấu hiệu tuổi dậy thì ở câu 1 ($.sig=0,002<0,05$). Ở câu 2 và câu 3, có sự chênh lệch về điểm trung bình, điểm trung vị, điểm yếu vị giữa hai lớp, HS lớp thực nghiệm thực hiện nhiệm vụ điền các từ khóa nhằm giải thích nguyên nhân gây ra mùi cơ thể (câu 2) và nêu các việc làm để giữ gìn cơ thể sạch sẽ (câu 3) cao hơn so với lớp đối chứng. Tuy nhiên, giá trị kiểm định $.sig>0.05$ nên chưa thể hiện được sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở năng lực khám phá của HS lớp thực nghiệm và lớp đối chứng. Ở câu 4, với $.sig=0,001<0,05$ thể hiện sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng của HS lớp thực nghiệm cao hơn so với lớp đối chứng trong việc phân tích tình huống thực tiễn, xác định đúng nguyên nhân và đưa ra lời khuyên phù hợp, thể hiện sự hiểu bản chất vấn đề thay vì chỉ tái hiện kiến thức đã học. Kết quả này cho thấy vận dụng dạy học theo định hướng TT-KP trong dạy học chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5 không chỉ phát triển được năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên xung quanh, mà còn rất hiệu quả để phát triển năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học.

Kết quả định lượng thu được từ bài kiểm tra sau thực nghiệm cũng phù hợp với quan sát HS trong lớp học. Trong các tiết học thực nghiệm, HS lớp thực nghiệm thể hiện sự hứng thú, chủ động tham gia thảo luận, mạnh dạn đưa ra ý kiến, đặt câu hỏi và tích cực thực hiện các nhiệm vụ học tập. Điều này cho thấy dạy học theo định hướng TT-KP

không chỉ nâng cao kết quả học tập, góp phần phát triển ba thành phần năng lực mà còn tác động tích cực đến thái độ và hành vi học tập của HS.

4. Kết luận và bình luận

Nghiên cứu đã xây dựng quy trình dạy học 6 bước theo định hướng TT-KP để thiết kế kế hoạch bài dạy chủ đề Con người và sức khỏe, môn Khoa học lớp 5. Kết quả thực nghiệm cho thấy vận dụng định hướng TT-KP cho thấy HS hứng thú và sự tham gia tích cực trong học tập, đáp ứng được yêu cầu cần đạt của môn Khoa học 5 về phát triển năng lực tìm hiểu tự nhiên xung quanh, đặc biệt là năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học. Với quy trình 6 bước khi tổ chức dạy học theo định hướng TT-KP, HS tham gia hoạt động một cách tích cực, chủ động để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn mà GV đã đặt ra. Kết quả Nghiên cứu là cơ sở để tiếp tục nghiên cứu và vận dụng định hướng này ở các chủ đề của môn Khoa học theo quy trình dạy học 6 bước và môn học khác nhằm cải thiện chất lượng giáo dục.

Tuyên bố về vai trò của các tác giả: Nguyễn Minh Giang: Lên ý tưởng nghiên cứu, xác định phương pháp và công cụ nghiên cứu, chỉnh sửa và hoàn thiện bản thảo; Trần Khánh Vân: Thực nghiệm và phân tích dữ liệu và viết bản thảo.

Tuyên bố về GenAI và Quyền tác giả: Trong quá trình chuẩn bị bản thảo này, các tác giả không sử dụng công cụ AI nào.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Tài liệu tham khảo

- Alberta Learning (2004). *Focus on inquiry: A teacher's guide to implementing inquiry-based learning*. Alberta Government. <https://open.alberta.ca/publications/0778526666>
- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- Bộ GD-ĐT (2018a). *Chương trình giáo dục phổ thông - Chương trình tổng thể* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2018b). *Chương trình giáo dục phổ thông môn Khoa học* (ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD-ĐT).
- Bộ GD-ĐT (2021). *Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học*.
- Đặng Thị Lệ Tâm (2020). Vận dụng lí thuyết kiến tạo để xây dựng quy trình dạy học kiểu bài nghị thức lời nói trong hội thoại cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Giáo dục*, 476, 29-33.
- Lê Thái Hưng, Nguyễn Thị Phương Vy (2020). Đề xuất khung đánh giá năng lực khoa học cho học sinh lớp 6 trong môn khoa học tự nhiên theo chương trình giáo dục phổ thông. *Tạp chí Giáo dục*, 483, 44-49.
- Lê Thị Hồng Chi (2014). *Dạy học dựa vào tìm tòi ở tiểu học với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin*. Luận án tiến sĩ Khoa học giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn Minh Giang, Nguyễn Việt Khanh Linh, Nguyễn Lê Phúc Hậu, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Phạm Đăng Nam (2025). Sex education for primary students in Le Thuy district, Quang Binh province. *Vinh University Journal of Science*, 54(4C), 34-42.
- Nguyễn Minh Giang (chủ biên), Phạm Phương Anh (2025). *Dạy học khoa học theo định hướng tìm tòi - khám phá*. NXB Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Minh Giang, Nguyễn Khánh Vy. (2021). Dạy học nội dung thực vật trong môn Tự nhiên và Xã hội 2018 theo định hướng tìm tòi - khám phá phát triển năng lực khoa học cho học sinh tiểu học. *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*, 66(2A), 34-45.
- Phạm Thị Phương Mai (2018). Phát triển năng lực khám phá cho học sinh trong dạy học phần “Sinh học vi sinh vật” (Sinh học 10). *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt kì 2 tháng 5, 193-199.
- Phạm Việt Quỳnh, Phan Thị Hồng The (2024). Tích hợp giáo dục giới tính cho học sinh tiểu học trong dạy học chủ đề “Con người và sức khỏe” môn Khoa học ở tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 20(03), 53-57.
- Phó Đức Hoà (2011). Các dạng khám phá theo thuyết kiến tạo trong dạy học tiểu học. *Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 69, 19-22.